


Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

COPPER SULPHATE	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7758-99-8 Số UN: 3077 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Đồng Sunphate	Mã sản phẩm (nếu có) :
Tên thương mại: Copper Sulphate	
Tên gọi khác: muối sunphate đồng	
Mục đích sử dụng: dùng trong ngành sản xuất phân bón và các ngành công nghiệp khác	<p>Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup</p> <p>Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh</p> <p>Điện thoại: 0898.517.996</p>

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sun-fát đồng	7758-99-8	CuSO4	24.5%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):</p> <p>Nguy Hiểm mức độ 2 (trung bình).</p> <p>Chất này có thể gây độc cho thận, gan. Tiếp xúc lâu dài với chất này có thể gây hại cho cơ thể.</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là chất không có khả năng tự cháy. - Mức độ phản ứng nhẹ ở người. - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng. <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt: Gây kích ứng mắt. Có thể gây bỏng mắt. Nó có thể gây viêm giác mạc, thay đổi màu giác mạc, loét và độ đục của giác mạc. - Đường thở: Gây dị ứng với đường hô hấp (mũi, họng, phổi) khi ho và khò khè. Có thể gây loét và thủng nướu nếu hít phải với liều lượng quá mức. Việc đốt đồng sulfat có thể dẫn đến các chất gây kích ứng và độc có thể gây kích ứng đường hô hấp và phổi và có thể gây ra sốt kim loại có triệu chứng giống như sốt, ớn lạnh, đau cơ.

- Đường da: Gây kích ứng da. Có thể gây bỏng da. Nó có thể gây ra và ngứa do dị ứng chàm.
- Đường tiêu hóa: Có hại nếu nuốt. Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa với buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, vị giác kim, cảm giác nóng bỏng ở dạ dày hoặc đau thắt ngực, đau bụng, và chảy máu đường tiêu hóa. Có thể ảnh hưởng đến sự trao đổi chất (acidosis chuyển hóa), gan (tổn thương gan, vàng da), máu (Methemoglobin, hemolytic anemia), hệ tiết niệu (tổn thương thận, tiểu máu, hemoglobin niệu, albumin niệu), hành vi / hệ thần kinh (ngủ quên, run, psychosis, hôn mê), hệ thống tim mạch (hạ huyết áp, loạn nhịp). Niêm mạc miệng, nôn mửa, phân, và nước bọt có thể bị màu xanh hoặc xanh lá cây sau khi ăn. Suy hô hấp có thể phát triển sau xuất huyết và trầm cảm thần kinh trung ương. Ảnh hưởng tiềm ẩn về sức khỏe mãn tính: Da: Tiếp xúc lâu dài hoặc kéo dài có thể gây dày lên của da.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Rửa mắt ngay với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút, nâng hạ và mí mắt trên thỉnh thoảng. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Rửa vùng da tiếp xúc bằng nhiều nước trong 15 phút. Thay áo quần sạch. Nếu da bị kích thích, đi khám bệnh.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):

Di chuyển đến không khí trong lành. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Được chăm sóc y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):

Nôn ra ngay lập tức theo chỉ dẫn của nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng người đã bất tỉnh. Chăm sóc y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...):

Không nên để gần các chất khử hoặc chất dễ cháy.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:

Chữa cháy bằng các phương tiện PCCC thông thường.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Trong trường hợp có hỏa hoạn, mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở khép kín NIOSH phê chuẩn.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

Thông gió cho khu vực bị rò rỉ hay tràn lan. Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp như quy định tại Mục 8.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Gom và chứa chất cải tạo hoặc loại bỏ. Hút chân không hay ướm quét có thể được sử dụng để tránh bụi phân tán. Một lượng nhỏ các chất cặn có thể được rửa sạch để cống thoát nước với nhiều nước.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):

Trang bị quần áo bảo hộ đầy đủ.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):

Giữ trong bao bì kín, bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng khí, mát. Bảo vệ chống lại thiệt hại vật chất và độ ẩm. Cô lập từ bất kỳ nguồn nhiệt hoặc lửa. Tránh lưu trữ trên sàn gỗ. Được tách ra từ xung khắc, chất dễ cháy, vật liệu sẵn oxy hóa hữu cơ hay khác. Thùng chứa này có thể là nguy hiểm ngay cả khi hết giữ lại cặn sản phẩm (bụi, chất rắn); các khuyến cáo và biện pháp phòng ngừa liệt kê cho các sản phẩm.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...):

Máy thông khí thường được ưa thích bởi vì nó có thể kiểm soát khí thải của các chất gây ô nhiễm tại của nó nguồn, ngăn chặn phát tán của nó vào khu vực làm việc. Vui lòng tham khảo các tài liệu ACGIH, công nghiệp.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính an toàn hóa chất. Duy trì vòi nước tưới đất bị rửa mắt ở khu vực làm việc.
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ lao động khi tiếp xúc.
- Bảo vệ tay: Mang găng tay
- Bảo vệ chân: giày cao su

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:

Các loại mặt nạ cá nhân (NIOSH được phê duyệt): Đối với điều kiện sử dụng nơi tiếp xúc với bụi hay sương mù là rõ ràng và kiểm soát kỹ thuật là không khả thi. Nếu các hạt dầu (như dầu nhờn, các chất lỏng, glycerine, vv), có mặt, sử dụng một bộ lọc loại R hay P NIOSH. Đối với trường hợp cấp cứu hoặc trường hợp mà mức độ tiếp xúc không được biết đến, sử dụng đầy đủ các mặt tích cực áp, mặt nạ cung cấp khí. Mặt nạ làm sạch không bảo vệ công nhân trong môi trường thiếu oxy.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): nhà vệ sinh và nước sạch.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: tinh thể rắn	Điểm sôi (°C): 150°C
Màu sắc: màu xanh	Điểm nóng chảy (°C): 110°C (302°F)
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước (nước =1): 1.21	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH: chưa có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): chưa có thông tin	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): không ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Tiếp xúc với nhiệt có thể dẫn đến gia tăng của áp lực nguy hiểm. Một chất ôxi hóa mạnh, phản ứng dữ dội khi tiếp xúc với nhiều chất hữu cơ, đặc biệt là dệt may và giấy.

- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Oxit nitơ

- Điều kiện cần tránh: Nhiệt, ngọn lửa, nguồn đánh lửa, va chạm và xung khắc

- Xung khắc: Vật liệu dễ cháy, vật liệu hữu cơ, kim loại bột, amoniac, hydrazine, chất khử

- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sun-fat đồng	LD50	300 mg / kg >2000mg/kg	Miệng Da	

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): không gây ung thư
Đột biến đối với tế bào soma của động vật có vú. Có thể gây tổn hại cho các cơ quan sau đây: thận, gan.

Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), ăn uống, hít phải.

Có thể ảnh hưởng đến chất liệu di truyền dựa trên số liệu động vật.

2. Các ảnh hưởng độc khác : chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sun-fat đồng	Cá vàng	48 giờ	LD50

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin

- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): tuân thủ quy định của nhà nước và địa phương hoặc quy định của liên bang.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển	3077		II	25kg/bao		

<p>hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</p>			9			
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...</p>	3077		II 9	25kg/bao		

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: **02/01/2023**

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

HOA VIỆT
Chemgroup